

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

Detector quang phổ tử ngoại đặt tại bước sóng 220 nm.

Thể tích tiêm: 10 μ l.

Tốc độ dòng: 1,0 ml/min.

Cách tiến hành:

Kiểm tra tính phù hợp của hệ thống: Tiến hành sắc ký với dung dịch chuẩn, tính số đĩa lý thuyết của cột. Số đĩa lý thuyết của cột không được nhỏ hơn 5000 tính theo pic của gastrodin. Độ lệch chuẩn tương đối của diện tích pic gastrodin trong 6 lần tiêm lặp lại không được lớn hơn 2,0 %. Tiến hành sắc ký với dung dịch chuẩn, dung dịch thử. Tính hàm lượng gastrodin trong dược liệu dựa vào diện tích pic gastrodin trên sắc ký đồ của dung dịch thử, dung dịch chuẩn và hàm lượng $C_{13}H_{18}O_7$ trong gastrodin chuẩn. Dược liệu phải chứa không ít hơn 0,20 % gastrodin ($C_{13}H_{18}O_7$), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Thiên ma tẩm rượu sao: Củ đã phơi khô được rửa sạch, bỏ tạp chất, để ráo nước. Tẩm rượu 40°, cứ 1 kg Thiên ma dùng 300 ml rượu, tẩm đều, ủ 3 ngày đêm cho mềm, thái lát mỏng, sấy nhẹ cho khô. Tẩm rượu sao để tăng cường thuốc vào phần huyết.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi thoáng mát, tránh mốc, mốc. Dược liệu đã chế biến: Để nơi thoáng mát, tránh mốc, mốc, nên dùng trong 90 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, tính ôn. Vào phần huyết của kinh can.

Công năng, chủ trị

Bình can, trừ phong, trấn kinh (trấn co giật). Chủ trị: Do gan nóng huyết nhiệt bốc hỏa đầu đau, hoa mắt, chân tay tê co giật. Trẻ em kinh phong co giật.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 8 g đến 16 g, dạng thuốc sắc, trẻ em dùng 1/2 liều của người lớn (thầy thuốc điều chỉnh liều tùy bệnh tật và sức khỏe của trẻ). Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Người âm hư, huyết hư, không phải trúng phong không được dùng.

THIÊN MÔN ĐÔNG (RỄ)

Asparagi cochinchinensis Radix

Thiên đông, Tóc tiên leo

Rễ (thường gọi là củ) đã chế biến và được làm khô của cây Thiên môn đông [*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.], họ Thiên môn đông (Asparagaceae). Thu hoạch rễ (củ) ở cây đã mọc trên 2 năm vào cuối mùa thu và mùa đông (thường là tháng 10 đến 12), đào cả cụm gốc thân và rễ củ, bỏ gốc thân và rễ con, lấy rễ củ rửa sạch, luộc hoặc

THIÊN MÔN ĐÔNG (RỄ)

đồ đến khi mềm, trong lúc nóng loại bỏ vỏ mỏng ngoài cùng, rút lõi, phơi hay sấy khô.

Mô tả

Dược liệu là những đoạn rễ dài khoảng 5 cm đến 18 cm, đường kính 0,5 cm đến 1 cm, hai đầu thuôn nhỏ dần, màu vàng nhạt đến vàng nâu (màu hồ phách), trong, mờ, sáng bóng. Thề chất cứng, dai, có chất nhầy dính, mặt cắt mịn bóng. Mùi nhẹ, vị hơi đắng.

Ghi chú: Loại củ hình thoi, hai đầu nhọn, màu hồ phách, khô, to mập, đã rút bỏ lõi bên trong, mềm, cầm không dính tay, không mốc mọt là loại tốt.

Bột

Màu trắng ngà, mùi đặc trưng, vị ngọt hơi đắng. Soi kính hiển vi thấy: Mảnh mô mềm gồm tế bào thành mỏng, chứa tinh thể calci oxalat. Tinh thể calci oxalat hình kim xếp thành bó hay rải rác, dài 40 μ m đến 99 μ m.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: Silica gel 60F₂₅₄.

Dung môi khai triển: *n*-Hexan - ethyl acetat (2 : 1). Để bão hòa dung môi trong 20 min.

Dung dịch thử: Lấy khoảng 2,0 g dược liệu đã tán nhỏ, thêm 5 ml nước, ngâm trong 1 h cho trương nở, nghiền kỹ trong cối, chuyển dược liệu đã nghiền nhỏ vào bình nón bằng 20 ml methanol (TT), siêu âm 30 min, tiếp tục đun sôi hồi lưu trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc lấy phần dịch chiết, phần bã dược liệu được chiết nhắc lại 2 lần, mỗi lần bằng 20 ml methanol (TT). Gộp các dịch chiết methanol, bay hơi trên cách thủy đến gần cạn. Hòa cần thu được bằng 5 ml nước, lắc hỗn hợp với cloroform (TT) 2 lần, mỗi lần 20 ml, để yên cho tách lớp, gạn lấy phần dịch cloroform, thu hồi dung môi đến cạn. Hòa cần thu được trong 2 ml methanol (TT).

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 2,0 g Thiên môn đông (mẫu chuẩn) đã tán nhỏ, tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan β -sitosterol chuẩn trong methanol (TT) để được dung dịch có nồng độ 0,1 mg/ml.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 μ l mỗi dung dịch thử và dung dịch dược liệu đối chiếu, 6 μ l dung dịch chất đối chiếu. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí, phun hỗn hợp gồm 1 ml acid sulfuric (TT), 20 ml anhydrid acetic (TT) và 50 ml cloroform (TT) (thuốc thử Liebermann-Burchard), sấy bản mỏng ở 105 °C trong 2 min đến 3 min. Quan sát dưới ánh sáng thường và dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu hoặc phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết β -sitosterol trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 16,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

THIÊN NAM TINH (Thân rễ)

Tạp chất

Rễ non teo: Không quá 2 % (Phụ lục 12.11).

Tro toàn phần

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 80,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Dùng phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 50 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Thiên môn đông thái lát: Lấy dược liệu khô, rửa sạch ủ mềm, bỏ tạp chất và bỏ hết lõi còn sót lại (lõi uống vào gây nấc), thái lát mỏng, phơi hoặc sấy khô.

Thiên môn đông tẩm rượu sao: Tẩm rượu sao để giảm bớt tính hàn, tăng tính nhuận của Thiên môn đông. Trộn đều dược liệu đã thái phiến với rượu, ủ một đêm, phơi hoặc sấy khô. Cứ 1 kg Thiên môn đông dùng 400 ml rượu 40°.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, tránh mốc, mọt.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 60 ngày sau khi chế biến. Thuốc bị ẩm đổi màu đen không được dùng.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi đắng, tính đại hàn. Vào các kinh phế, tâm, thận, vị.

Công năng, chủ trị

Dưỡng âm, nhuận táo, thanh phế, sinh tân. Chủ trị: Phế ráo ho khan, ho gà, vị nhiệt họng khô, miệng khát, tâm hỏa hồi hộp khó ngủ.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 8 g, dạng thuốc sắc. Trường hợp đặc biệt có thể dùng 12 g, do thầy thuốc chỉ định. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Tỳ hư, phế hàn ho nhiều đờm trắng, tỳ vị hư hàn đại tiện phân lỏng không dùng.

Ghi chú

Loài Thiên môn ráng (*Asparagus filicinus* Ham ex D.Don) mọc tự nhiên ở vùng núi cao trên 1300 m, cũng được khai thác, sử dụng.

THIÊN NAM TINH (Thân rễ)

Arisaematis Rhizoma

Thân rễ (còn gọi là củ) đã cạo vỏ ngoài được làm khô của cây Thiên nam tinh (*Arisaema erubescens* (Wall.) Schott.), cây Di điệp thiên nam tinh (*Arisaema heterophyllum* Bl.), hoặc cây Đông bắc thiên nam tinh (*Arisaema amurense* Maxim.), họ Ráy (Araceae). Thu hoạch vào mùa thu (tiết bạch lộ là tốt nhất), khi thân và lá khô héo, đào lấy thân

DUỐC ĐIỂN VIỆT NAM VI

rễ, gọt bỏ vỏ ngoài, rửa sạch, phơi khô (không nên sấy vì khó chế biến).

Mô tả

Thân rễ dạng củ hình cầu, hơi dẹt, dày 1 - 2 cm, đường kính 1,5 - 6,5 cm. Mặt ngoài màu trắng hơi nhạt hoặc nâu nhạt (loại củ già), tương đối nhẵn, bóng, một số củ lại nhẵn nheo. Đỉnh còn vết lõm của gốc thân. Xung quanh có những chấm nhỏ là vết của rễ con. Có khi quanh vết lõm gốc thân có các chồi thân rễ nhỏ hình cầu dẹt. Chất cứng rắn, khó bẻ, mặt bẻ phẳng, màu trắng, có tinh bột, mùi hăng, vị cay tê.

Bột

Màu trắng. Quan sát trên kính hiển vi thấy: Nhiều hạt tinh bột đơn, hình cầu hoặc hình trứng, đường kính 2 - 17 μ m, rốn có dạng điểm, dạng kẽ nứt, có thể trông thấy lỗ mờ đường vân tăng trưởng ở các hạt lớn. Có ít hạt tinh bột kép 2 - 12. Tinh thể calci oxalat hình kim, dài 63 - 131 μ m nằm rải rác hoặc tụ thành bó. Đôi khi thấy tinh thể calci oxalat hình lăng trụ, đường kính 3 - 20 μ m.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *n*-Butanol - nước - acid acetic băng (7 : 2 : 1), trộn đều hỗn hợp dung môi, để tách lớp, lấy lớp trên.

Dung dịch thử: Lấy 5 g bột dược liệu cho vào bình nón nút mài 50 ml, thêm 10 ml *ethanol* (TT), siêu âm 30 min, lọc, được dung dịch chấm sắc ký.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 1 g bột rễ Thiên nam tinh (mẫu chuẩn), chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 6 μ l dung dịch thử và 15 μ l dung dịch dược liệu đối chiếu. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra để khô trong không khí. Phun dung dịch *anisaldehyd* trong acid sulfuric (TT), sấy bản mỏng ở 105 °C đến khi hiện rõ vết. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng thường. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không được quá 14,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không được quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không được quá 1 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không dưới 9,0 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10), dùng *ethanol* 50 % (TT) làm dung môi.

Bảo quản

Để nơi khô, thoáng, tránh sâu, mọt.

Cách dùng, liều lượng

Dược liệu chưa chế biến (dược liệu sống) chỉ dùng ngoài